ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 100 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2026/QH16 ngày 24/8/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Quảng Ninh;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 171/TTr-SXD ngày 15/9/2026 về việc ban hành Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải trên địa bàn thành phố Quảng Ninh và Báo cáo thẩm định số 262/BC-STP ngày 19/6/2026 của Sở Tư pháp về việc báo cáo thẩm định dự thảo Quyết định ban hành quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải trên địa bàn thành phố Quảng Ninh;

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh ban hành Quyết định quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố (b/c);
- V0 - V3;
- Lưu: VT, QH3.

5b – QĐ26-09

Ký bởi: Lê Xuân Bình

Ký bởi: Nguyễn Phúc Vinh

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Ánh

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

(Kèm theo Quyết định số 100./2026/QĐ-UBND ngày 20./10/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết khoản 8 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường về việc phân loại, thu gom, vận chuyển, sơ chế, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn xây dựng; thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước; quy hoạch, quản lý địa điểm đổ chất thải, điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến chất thải rắn xây dựng (sau đây viết tắt là CTRXD), bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải (bao gồm: bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu, hệ thống thoát nước).

2. Chất thải rắn xây dựng là chất thải rắn phát sinh trong quá trình khảo sát, phá dỡ, thi công xây dựng công trình (bao gồm công trình xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ).

3. Chủ nguồn thải CTRXD là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

4. Chủ xử lý CTRXD thông thường là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc được giao quản lý, điều hành cơ sở xử lý CTRXD, bãi chôn lấp CTRXD thông thường.

5. Chủ thu gom, vận chuyển CTRXD thông thường là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thu gom, vận chuyển CTRXD thông thường theo quy định của pháp luật.

(a) Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp chất thải rắn xây dựng làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật;

(b) Cơ sở sản xuất có chức năng đồng xử lý chất thải phù hợp;

(c) Cơ sở sơ chế, xử lý CTRXD thông thường có chức năng phù hợp;

(d) Là cơ sở vận chuyển CTRXD thông thường đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại các điểm a, b hoặc c khoản này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý

1. Quản lý CTRXD, bùn thải từ bể phốt, hầm cầu, bùn thải từ hệ thống thoát nước phải tuân thủ các nguyên tắc chung về quản lý chất thải có liên quan quy định tại Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 56 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tăng cường áp dụng các biện pháp về tiết kiệm tài nguyên và năng lượng; sản xuất sạch hơn; có biện pháp khác để phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải; hạn chế tối đa lượng chất thải phát sinh khi thiết kế công trình.

b) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn nhằm mục đích tăng cường tái sử dụng, tái chế; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng;

c) Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải;

d) Tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải có trách nhiệm nộp phí, giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật;

đ) Khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải thân thiện với môi trường.

2. Việc đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải phải tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật bảo vệ môi trường có liên quan.

3. Các cơ sở xử lý CTRXD được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quy hoạch, địa điểm cơ sở xử lý chất thải rắn xây dựng, bùn thải

1. Chất thải rắn xây dựng; bùn từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước phải được lưu chứa, xử lý đúng vị trí đã được quy hoạch và được quản lý theo các quy định hiện hành.

2. UBND xã, phường, đặc khu có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền rà soát, đề xuất địa điểm tiếp nhận, đổ chất thải, điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý, tái chế chất thải rắn xây dựng và địa điểm xử lý bùn thải theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý thực tế; tổ chức quản lý, công khai các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cho phép theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích chủ nguồn thải, các đơn vị thực hiện phân loại, lưu trữ và tái chế tại công trường xây dựng; sử dụng các kho, bãi chứa của các cơ sở xử lý, tái chế để lưu chứa CTRXD, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

Chương II

PHÂN LOẠI, THU GOM, LƯU GIỮ, TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ, XỬ LÝ, VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG

Điều 6. Phân loại CTRXD

1. CTRXD thông thường được phân loại thành các nhóm sau đây:

(i) Nhóm CTRXD thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu

sản xuất;

(ii) Nhóm CTRXD thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng;

(iii) Nhóm CTRXD thông thường phải xử lý.

2. Trường hợp CTRXD thông thường có lẫn với chất thải nguy hại thì phải thực hiện việc phân tách phần chất thải nguy hại, nếu không thể tách được thì toàn bộ hỗn hợp phải được quản lý như chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 7. Thu gom, lưu giữ CTRXD

1. CTRXD được thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý được đầu tư xây dựng theo quy hoạch và cơ sở tái chế, công trình khác để tái chế, tái sử dụng hoặc điểm tập kết, lưu chứa tạm thời.

2. Khi tiến hành thi công xây dựng công trình, chủ nguồn thải phải bố trí thiết bị hoặc khu vực lưu giữ CTRXD trong khuôn viên công trường hoặc tại địa điểm theo quy định của chính quyền địa phương.

3. Địa điểm lưu giữ CTRXD phải bố trí ở nơi hạn chế bị ngập nước, hoặc nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, đảm bảo vệ sinh môi trường xung quanh khu vực lưu giữ.

4. Thiết bị, khu vực lưu giữ CTRXD phải đảm bảo không gây cản trở giao thông của khu vực và đảm bảo mỹ quan đô thị.

5. Thời gian lưu giữ CTRXD phù hợp theo đặc tính của loại chất thải và quy mô, khả năng lưu chứa của thiết bị, địa điểm lưu giữ.

6. Yêu cầu kỹ thuật đối với thiết bị, dụng cụ lưu chứa; kho hoặc khu vực lưu chứa trong nhà; kho hoặc khu vực lưu chứa ngoài trời phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Điều 8. Tái sử dụng, tái chế CTRXD

1. Việc tái sử dụng, sử dụng trực tiếp CTRXD được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ nguồn thải có phát sinh CTRXD thông thường phải tái chế, tái sử dụng hoặc chuyển giao cho cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chuyển giao cho các cơ sở xử lý có chức năng phù hợp. Việc chuyển giao CTRXD để tái sử dụng, sản xuất vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng phải bảo đảm phù hợp về nguồn gốc, thành phần, chất lượng và mục đích sử dụng; thực hiện tại cơ sở, địa điểm tiếp nhận được phép hoạt động theo quy định của pháp luật; các bên có liên quan chịu trách nhiệm về CTRXD trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 9. Vận chuyển CTRXD

Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển CTRXD thông thường thực hiện theo Điều 34 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi

trường) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, cụ thể:

1. Phương tiện vận chuyển CTRXD thông thường phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải.

2. CTRXD thông thường được lưu chứa trong thiết bị lưu giữ chất thải hoặc lưu chứa trực tiếp trên các phương tiện vận chuyển. Thiết bị lưu giữ CTRXD thông thường được lắp cố định hoặc có thể tháo rời trên phương tiện vận chuyển và phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

3. Phương tiện vận chuyển CTRXD thông thường phải bảo đảm không rơi vãi, phát tán bụi, mùi trong quá trình vận chuyển.

4. Xe tải thùng hở phải phủ bạt kín che nắng, mưa trong quá trình thu gom, lưu chứa, vận chuyển CTRXD thông thường.

5. Phương tiện vận chuyển CTRXD thông thường đang hoạt động phải có dòng chữ "VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI" ở hai bên thành của phương tiện với chiều cao ít nhất là 15 cm, kèm theo tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

6. Đối với CTRXD thông thường phải xử lý, việc chuyển giao thực hiện bằng biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo mẫu do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương III

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ BÙN THẢI TỪ BỂ PHỐT, HẦM CẦU VÀ BÙN THẢI TỪ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 10. Thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải bể phốt, hầm cầu

1. Bùn thải từ các hộ gia đình, các cơ quan hành chính, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thông hút định kỳ.

2. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn thải bể phốt, hầm cầu phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về giao thông và bảo vệ môi trường.

Bùn thải bể phốt, hầm cầu phải được vận chuyển đến khu xử lý tập trung đã được quy hoạch hoặc vị trí do cơ quan có thẩm quyền cho phép; khuyến khích xử lý bùn thải bể phốt, hầm cầu đồng xử lý tại các nhà máy xi măng, các nhà máy xử lý nước thải tập trung trên cơ sở khả năng tiếp nhận xử lý, bảo đảm điều kiện về môi trường và chi phí xử lý hợp lý. Nghiêm cấm xả thẳng bùn thải bể phốt, hầm cầu vào hệ thống thoát nước cũng như môi trường xung quanh.

Điều 11. Thu gom, vận chuyển, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước

1. Thu gom, vận chuyển bùn thải hệ thống thoát nước:

Bùn thải từ hệ thống thoát nước được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định; không được phép xả thải bùn thải chưa qua xử lý ra môi trường. Trong trường hợp bùn thải có các thành phần nguy hại thì phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2. Các phương án xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước:

a) Xử lý bùn thải tại các trạm/nhà máy xử lý nước thải có khu xử lý bùn thải trong phạm vi nhà máy.

b) Xử lý bùn thải tại các khu xử lý bùn thải hoặc tại các cơ sở xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đơn vị thoát nước căn cứ vào khối lượng bùn thải cần phải xử lý, vị trí khu xử lý/cơ sở xử lý chất thải rắn, công nghệ xử lý và các điều kiện kinh tế - kỹ thuật của địa phương để lựa chọn phương án xử lý bùn thải cho phù hợp.

3. Xử lý bùn thải hệ thống thoát nước bao gồm các nội dung như sau:

a) Tách nước sơ bộ, ổn định bùn thải, khử các chất hữu cơ dễ gây thối rữa.

b) Xử lý sơ bộ bùn thải, tăng cường khả năng nhả nước của bùn thải.

c) Làm khô bùn thải.

d) Vận chuyển bùn thải, khử độc bùn thải.

đ) Sử dụng lại bùn thải cho các mục đích khác nhau.

e) Xử lý bùn, nước bùn thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quy định.

4. Các công nghệ áp dụng xử lý bùn thải:

a) Chôn lấp.

b) Phân hủy kỵ khí thu hồi khí biogas.

c) Ổn định sinh học trong các hồ chứa và các bãi lọc trồng cây.

d) Ủ phân compost.

đ) Sấy bùn trực tiếp hoặc gián tiếp.

e) Đốt bùn, tái sinh năng lượng và sử dụng tro.

g) Các công nghệ khác.

Căn cứ thành phần, tính chất bùn thải, các điều kiện kinh tế, kỹ thuật, môi trường và điều kiện cụ thể của địa phương, chủ đầu tư lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải phù hợp.

5. Tái sử dụng bùn thải sau xử lý phải:

a) Căn cứ vào nhu cầu thực tế của sản phẩm đầu ra từ nguyên liệu bùn thải.

b) Căn cứ vào các mục đích khác nhau, đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến sản phẩm từ nguyên liệu bùn thải.

c) Xác định tỷ lệ sử dụng bùn thải theo mục đích sử dụng, tiêu chuẩn môi trường đất, hàm lượng kim loại nặng có trong đất, tỷ lệ dư lượng kim loại hàng năm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm của bùn thải, lượng và thành phần dinh dưỡng cây trồng hấp thụ.

6. Chất lượng bùn thải sau xử lý phải đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan bao gồm:

a) Quy định về mùi.

b) Quy định về chỉ tiêu lý hóa và dinh dưỡng (pH, hàm lượng nước, tổng thành phần dinh dưỡng và các chất hữu cơ, phốt pho, kali).

c) Quy định về chỉ tiêu an toàn theo giá trị giới hạn ô nhiễm và an toàn vệ sinh phòng dịch.

d) Quy định về giới hạn nồng độ ô nhiễm theo giá trị giới hạn kim loại nặng trong bùn thải (tổng crom, asen, niken, kẽm, đồng, thủy ngân, cadimi, kiềm...) và chất ô nhiễm hữu cơ.

đ) Quy định về an toàn vệ sinh phòng dịch theo giá trị giới hạn các vi khuẩn gây bệnh trong quá trình sử dụng bùn thải.

e) Quy định về lấy mẫu, kiểm tra, giám sát.

7. Các tiêu chí để lựa chọn địa điểm sử dụng bùn thải sau xử lý:

a) Các tiêu chí về địa hình: Thuận lợi về địa hình, hạn chế sử dụng bùn thải ở nơi có độ dốc địa hình cao, khu vực bị xói lở và phải có biện pháp chống xói lở phù hợp, đồng thời tránh tái ô nhiễm xung quanh khi trời mưa.

b) Các tiêu chí đất đai: Loại đất thích hợp sử dụng bùn thải như đất sét, đất có tính thẩm thấu kém hoặc vừa phải, đất trung tính hay có tính kiềm, đất có khả năng thoát nước tốt.

c) Các tiêu chí liên quan đến mực nước ngầm: Các số liệu về mực nước ngầm theo các mùa để tránh sử dụng bùn thải làm ô nhiễm nước ngầm.

d) Đảm bảo khoảng cách ly an toàn về môi trường đối với các công trình dân dụng, nhà ở, công trình thu nước, cấp nước sinh hoạt, công trình công cộng theo các quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Xây dựng

a. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố thực hiện công tác quản lý nhà nước về CTRXD trên địa bàn; tổ chức triển khai các quy định pháp luật về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRXD; đồng thời chủ động đề xuất các chủ trương, giải pháp kỹ thuật, hạ tầng phù hợp với thực tiễn phát triển đô thị của thành phố.

b. Chủ trì, phối hợp UBND cấp xã, các sở ngành, cơ quan liên quan tổ chức điều tra, thống kê tình hình phát sinh CTRXD;

c. Hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý CTRXD theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; hướng dẫn công tác vận chuyển CTRXD theo quy định.

d. Tổ chức kiểm tra, giám sát và tham mưu xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý CTRXD.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a. Triển khai và tham mưu tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường đối với công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD; đề xuất với UBND thành phố các chủ trương, giải pháp về bảo vệ môi trường đối với CTRXD.

b. Phối hợp với UBND cấp xã, các sở, ngành liên quan kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các địa điểm có hoạt động phát sinh CTRXD; kiểm tra, giám sát và

tham mưu xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý CTRXD trên địa bàn thành phố.

c. Tổng hợp, báo cáo công tác quản lý CTRXD trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật hoặc khi có yêu cầu.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tham mưu UBND thành phố thực hiện các nội dung về tài chính, giá dịch vụ trong quản lý CTRXD theo chức năng, thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan thực hiện quản lý, hướng dẫn về khoa học, công nghệ trong lĩnh vực xử lý CTRXD theo chức năng, thẩm quyền và quy định của pháp luật.

5. Ban Quản lý khu kinh tế

a. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về CTRXD trên địa bàn theo quy định.

b. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã có KKT, KCN xác định địa điểm lưu giữ, trung chuyển, cơ sở xử lý CTRXD; kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD trên địa bàn được giao quản lý.

c. Định kỳ hàng năm, thực hiện báo cáo công tác quản lý CTRXD trên địa bàn theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; gửi báo cáo về Sở Xây dựng theo quy định.

6. Công an thành phố Quảng Ninh

a. Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ, Công an các xã, phường, đặc khu phối hợp kiểm tra, phát hiện, xử lý hoặc tham mưu xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý CTRXD theo thẩm quyền.

b. Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật trong quản lý CTRXD trên địa bàn thành phố.

c. Tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND xã, phường, đặc khu

1. Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc đề xuất, bố trí, lựa chọn, công bố và quản lý các điểm tập kết, trạm trung chuyển, cơ sở xử lý CTRXD trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và theo thẩm quyền; tổ chức công khai các địa điểm được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc cho phép.

2. Tổ chức, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD trên địa bàn. Trong trường hợp phát hiện những vi phạm về quản lý CTRXD thì xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát công tác tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRXD trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm về quản lý CTRXD theo quy định.

4. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền rộng rãi các quy định về Quản lý CTRXD để các tổ chức, đơn vị liên quan và nhân dân trên địa bàn biết, thực hiện theo quy định.

5. Định kỳ hàng năm, thực hiện chế độ báo cáo công tác quản lý CTRXD theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước; gửi báo cáo về Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ nguồn thải/chủ đầu tư công trình xây dựng

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Đối với công trình xây dựng (không bao gồm nhà ở), chủ nguồn thải có trách nhiệm sau đây:

a) Lập kế hoạch quản lý CTRXD theo mẫu tại Phụ lục I trình chủ đầu tư chấp thuận (nếu là nhà thầu chính) trước khi triển khai thi công xây dựng; hướng dẫn các nhà thầu phụ (nếu có) thực hiện quản lý CTRXD theo kế hoạch quản lý CTRXD;

b) Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý CTRXD phát sinh trên công trường xây dựng theo kế hoạch quản lý CTRXD;

c) Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật về xây dựng để hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý CTRXD trong công trình xây dựng. Ghi chép nhật ký, lưu giữ chứng từ ghi khối lượng, thành phần CTRXD được thu gom, vận chuyển đến cơ sở xử lý và thông tin về địa điểm tiếp nhận theo quy định;

d) Ký hợp đồng với chủ thu gom, vận chuyển và chủ xử lý CTRXD để vận chuyển, xử lý CTRXD hoặc tự xử lý CTRXD tại nơi phát sinh tuân thủ các quy định;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện quản lý CTRXD với chủ đầu tư (nếu là nhà thầu chính);

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư các công trình xây dựng (trừ các công trình quy định tại khoản 4 Điều này) có trách nhiệm:

a) Phê duyệt và gửi thông báo kế hoạch quản lý CTRXD theo mẫu tại Phụ lục I Quy định này đến Sở Xây dựng, cơ quan cấp phép xây dựng theo phân cấp về quản lý công trình và UBND cấp xã trên địa bàn trước ngày khởi công thi công xây dựng công trình. Báo cáo kết quả thực hiện quản lý CTRXD sau khi công trình hoàn thành;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát kế hoạch thực hiện quản lý CTRXD đảm bảo môi trường xây dựng theo quy định;

c) Đảm bảo chi phí cho việc phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRXD theo quy định;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Chủ đầu tư các công trình nhà ở có trách nhiệm:

a) Lập và gửi thông báo thực hiện quản lý CTRXD theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này đến cơ quan cấp phép xây dựng (nếu công trình thuộc đối tượng phải xin giấy phép xây dựng) và UBND cấp xã trên địa bàn trước ngày khởi công xây dựng công trình;

b) Chịu trách nhiệm về việc quản lý CTRXD tại công trình theo các quy định tại Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan;

Điều 15. Trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển

1. Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 67, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Có đủ thiết bị, phương tiện thực hiện thu gom, vận chuyển theo quy định tại Điều 9 Quy định này và các quy định khác có liên quan.

3. Thu gom, vận chuyển CTRXD đến cơ sở xử lý đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hoặc công trình khác để tái sử dụng đúng quy định. Bảo đảm CTRXD được chuyển giao đúng cơ sở, địa điểm tiếp nhận theo thỏa thuận và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm khi có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển.

4. Xác định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRXD để làm cơ sở ký hợp đồng thu gom, vận chuyển.

5. Thực hiện niêm yết giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá.

6. Có sổ theo dõi quản lý việc thu gom, vận chuyển CTRXD, nội dung gồm:

a) Thông tin chung về chủ nguồn thải;

b) Số chuyến xe thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển trong ngày/tháng của từng chủ nguồn thải;

c) Khối lượng, loại CTRXD được thu gom, vận chuyển;

d) Địa điểm tiếp nhận xử lý CTRXD (cơ sở xử lý; các cơ sở tái chế, tái sử dụng CTRXD);

đ) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển;

e) Các thông tin khác nếu cần thiết.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của chủ xử lý

1. Đầu tư xây dựng, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện và bố trí nhân lực đáp ứng năng lực tiếp nhận CTRXD, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Tiếp nhận và xử lý CTRXD từ các chủ thu gom, vận chuyển trên cơ sở hợp đồng ký kết với chủ nguồn thải và có phiếu ghi khối lượng, thành phần CTRXD được vận chuyển đến hàng ngày có xác nhận của hai bên; kiểm soát, đối chiếu thông tin về khối lượng, loại CTRXD và nguồn chuyển giao theo quy định.

3. Có sổ theo dõi hoạt động xử lý CTRXD, nội dung gồm:

a) Thông tin chung của các chủ thu gom, vận chuyển CTRXD;

b) Khối lượng/dung tích/số chuyến xe chở CTRXD được tiếp nhận của từng chủ thu gom, vận chuyển CTRXD; loại CTRXD tiếp nhận;

c) Công nghệ, biện pháp xử lý CTRXD;

d) Nhật ký vận hành các hạng mục công trình, thiết bị trong dây chuyền công nghệ xử lý (nếu có);

đ) Các thông tin khác nếu cần thiết.

4. Thực hiện đúng quy trình quản lý vận hành cơ sở xử lý; có các biện pháp an toàn lao động trong vận hành và bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

5. Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Khi phát hiện sự cố môi trường, phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chủ đầu tư, chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra ô nhiễm hoặc sự cố môi trường để phối hợp xử lý.

6. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố Quảng Ninh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.